CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư xây dựng UDCONS

Ngày 30/06/2025	4,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	9.5%	**2.2%**	**21.1%**

DT thuần
Q2/25
75.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 52.6| 235%
YoY: ▲ 9.40| 14.3%

LN thuần
Q2/25
-16.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.57| -70.1%
YoY: ▼4.00| -33.7%

LN sau thuế
Q2/25
-15.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.10| -51.5%
YoY: ▼0.50| -3.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
-10.0%
YoY: +/-▲ 1.7%

ROE (TTM)
Q2/25
-20.0%
YoY: +/-▼ 2.3%

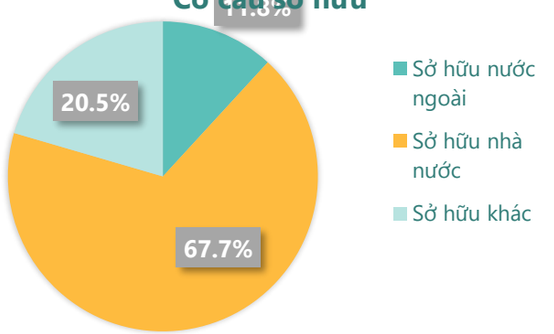
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,400 - 6,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	160
Số lượng CPLH (CP)	34,706,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	50,185
Sở hữu nước ngoài	11.8%
Beta	0.92
EPS	-1,138
P/E	-4.0

DT thuần
6T 2025
97.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.00| 7.8%

LN thuần
6T 2025
-25.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.30| -5.2%

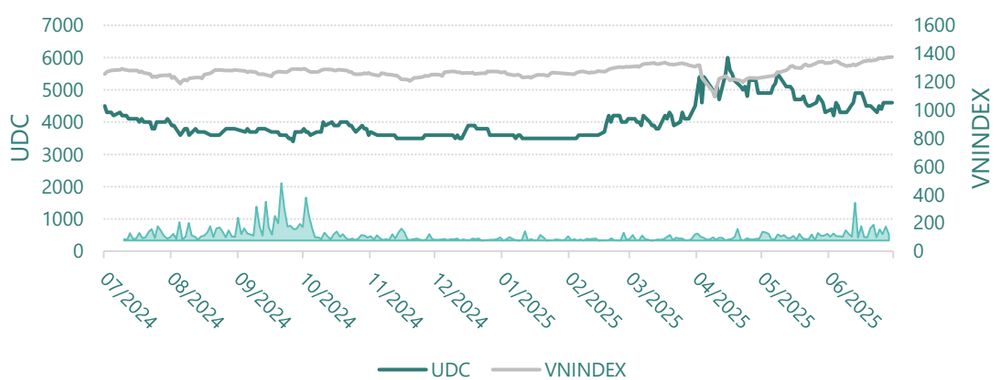
LN sau thuế
6T 2025
-24.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.50| 15.3%

Cơ cấu sở hữu

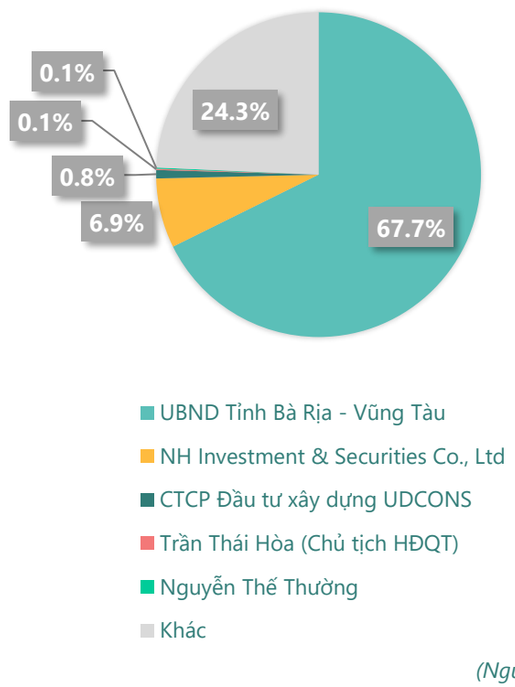


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



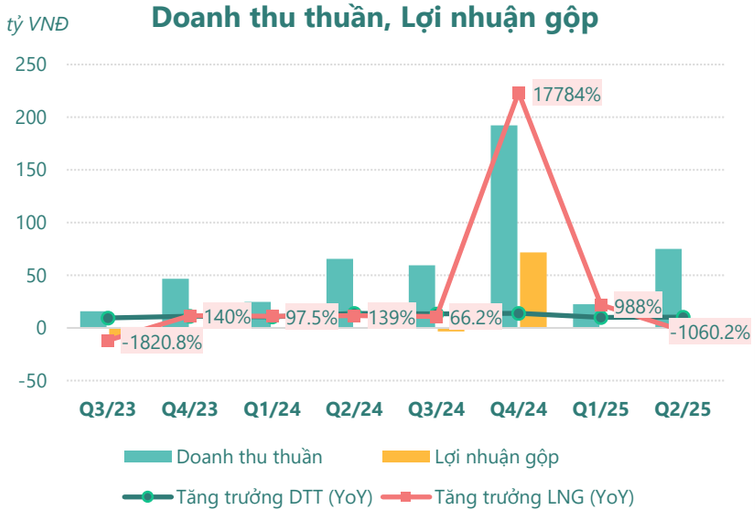
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

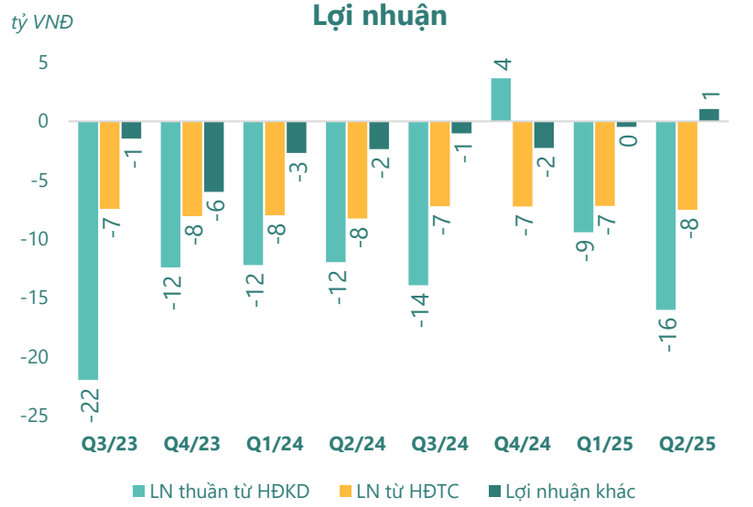
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



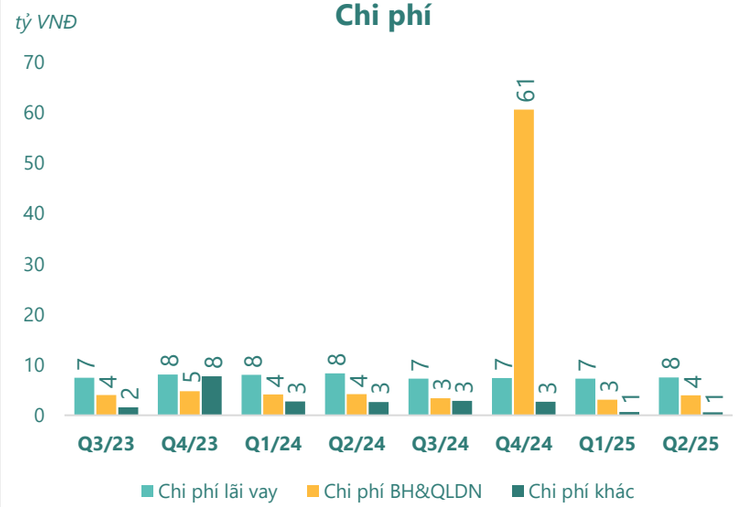
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



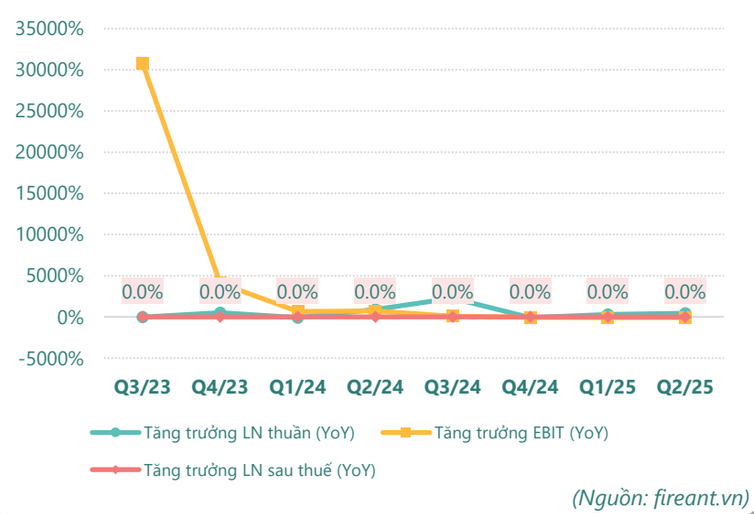
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



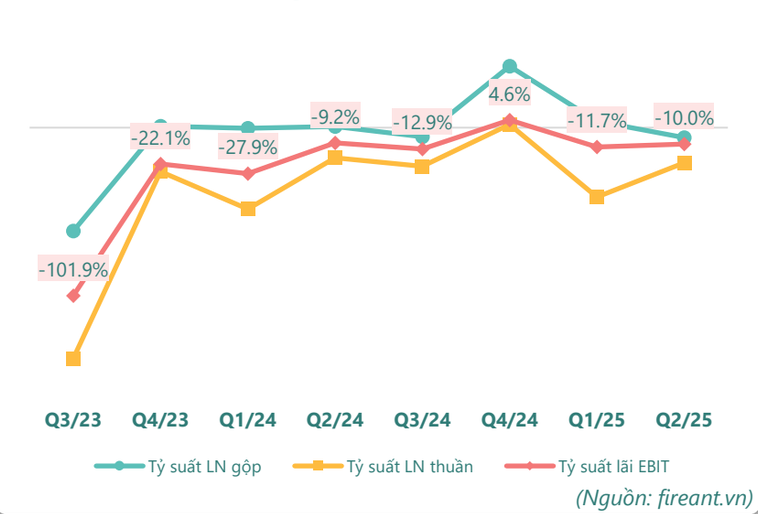
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



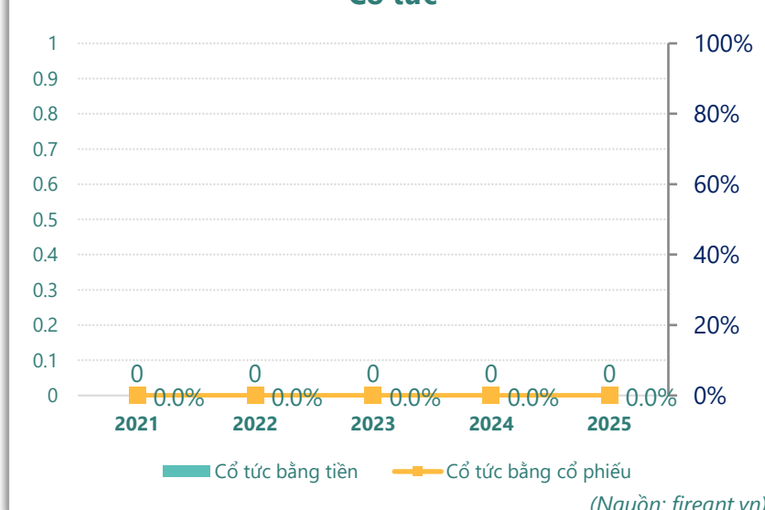
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

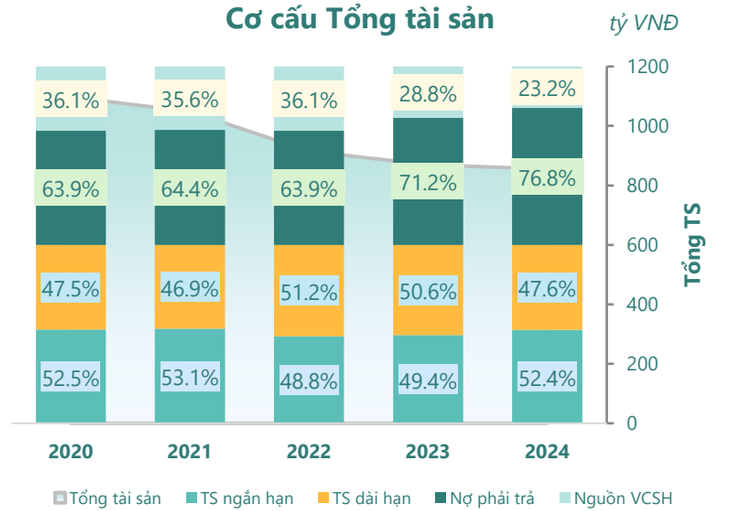
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

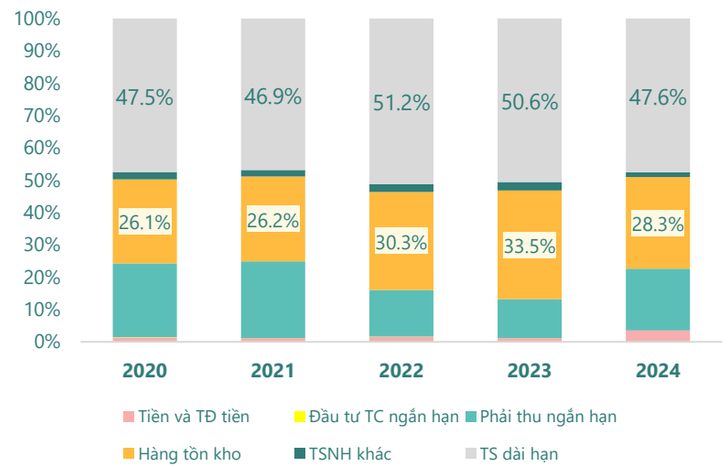
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



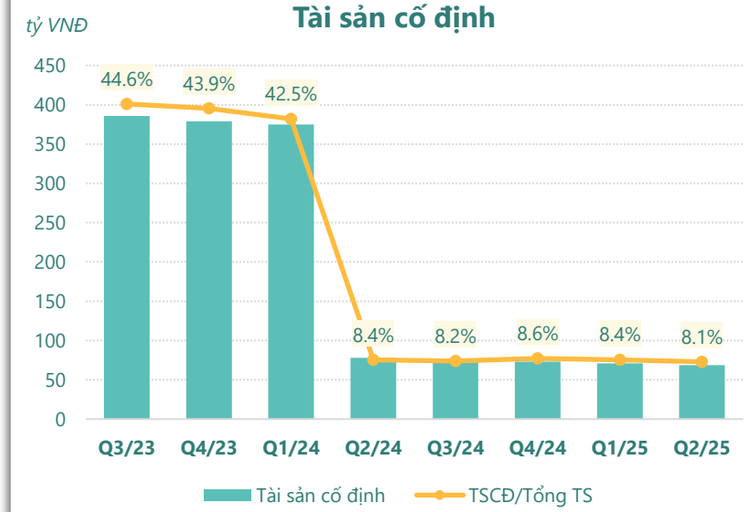
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



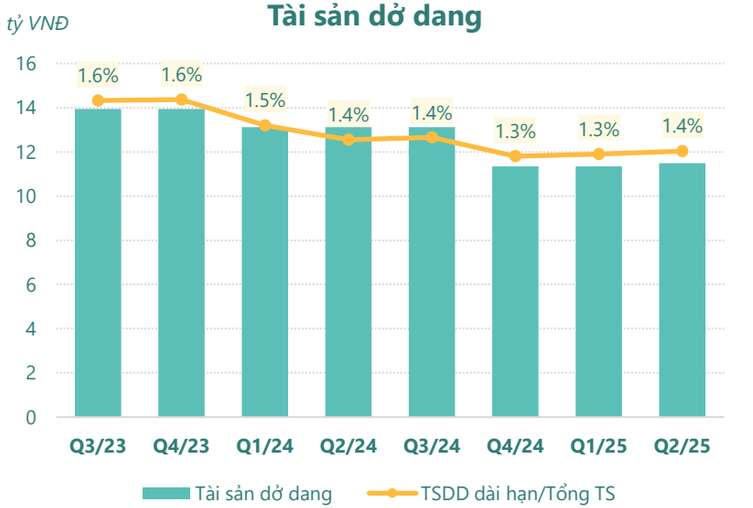
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



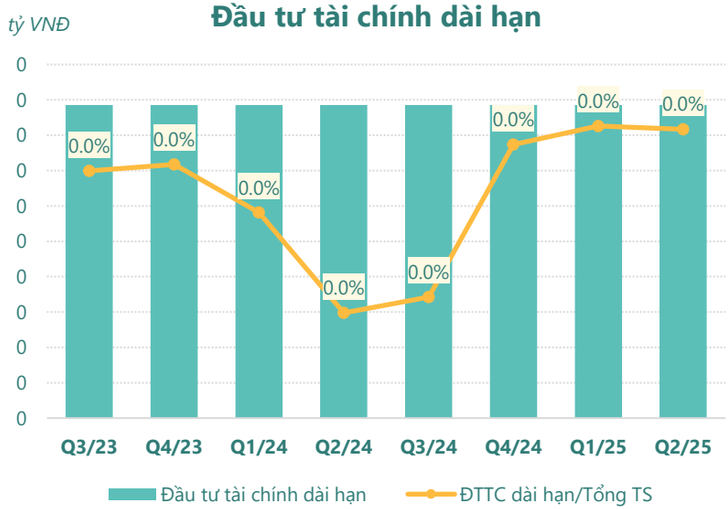
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



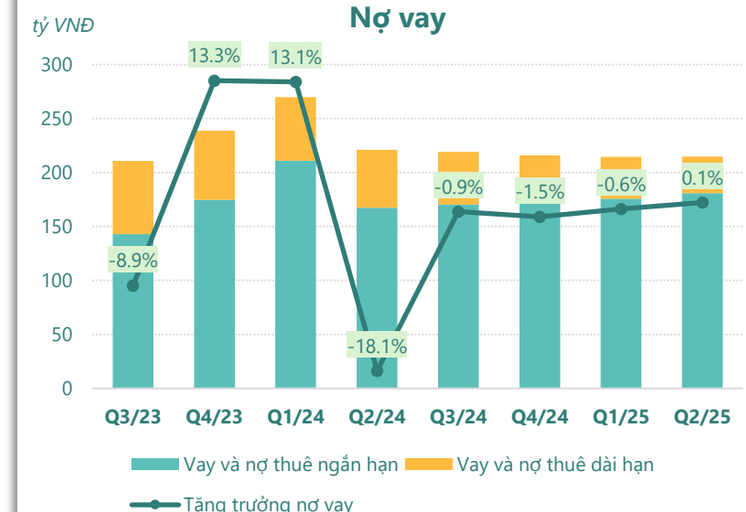
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

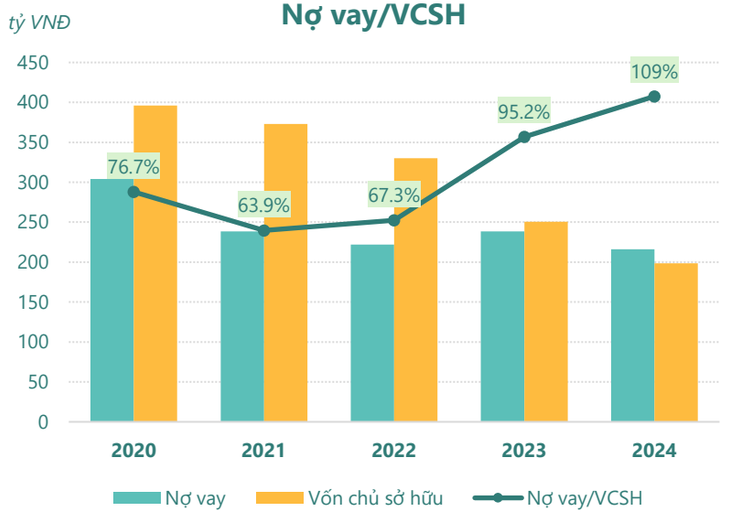
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

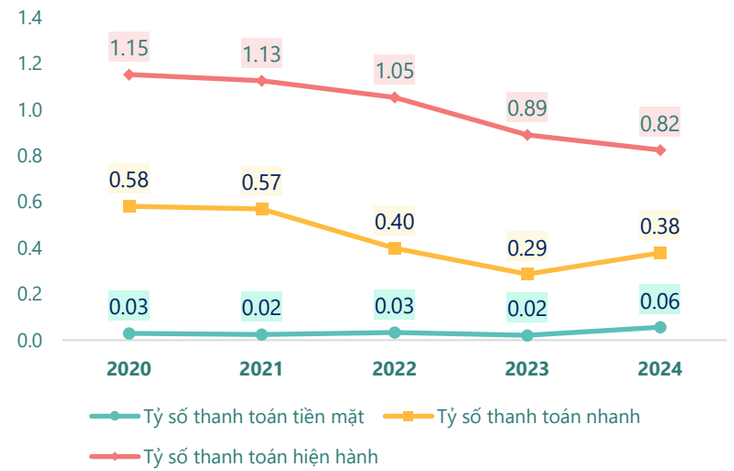
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



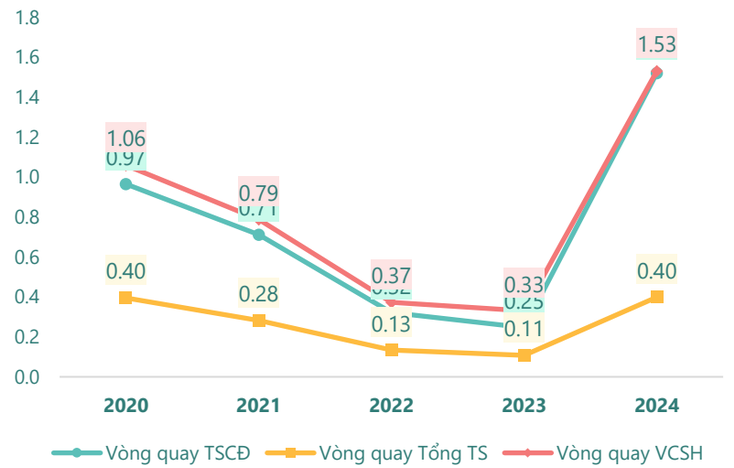
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



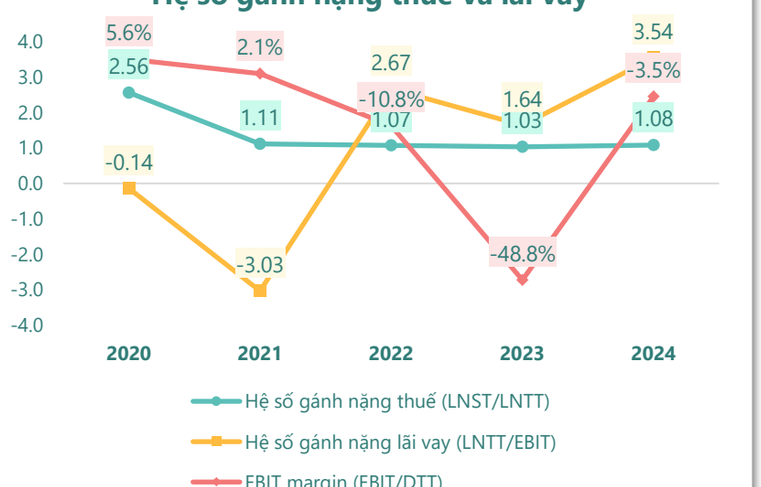
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



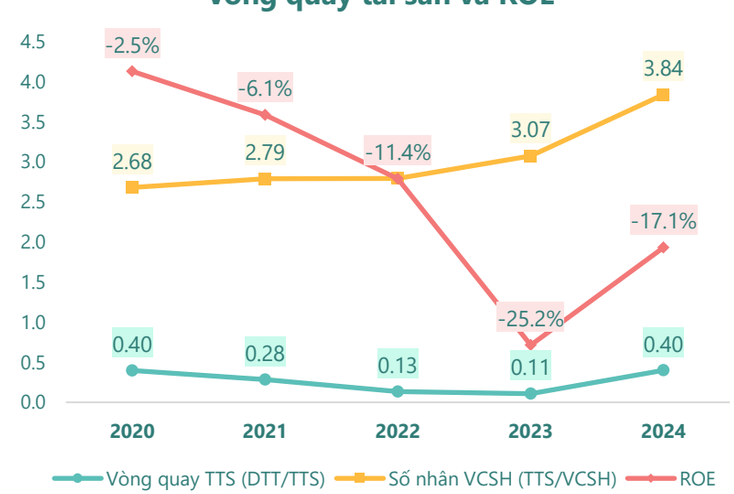
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



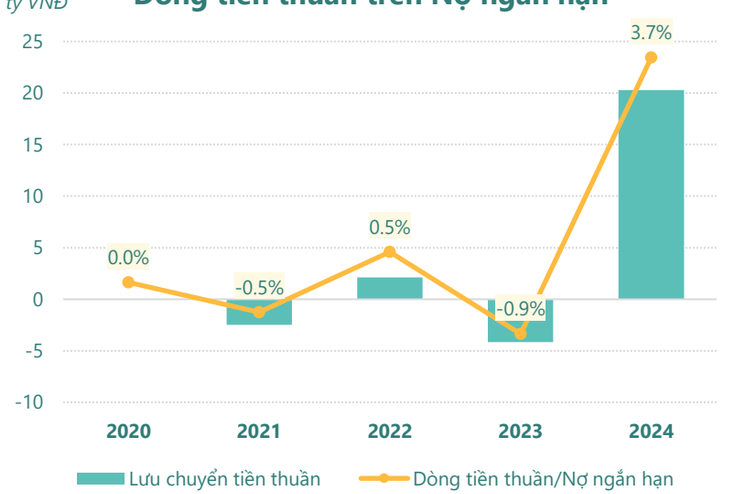
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**75.0**	**65.6**	**14.3%**	**97.4**	**90.4**	**7.8%**
Giá vốn hàng bán	79.5	65.1	22.1%	101	90.0	12.3%
Lợi nhuận gộp	-4.56	0.47	-1070%	-3.68	0.38	-1079%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.01	-52.1%	0.09	0.04	112%
Chi phí TC	7.52	8.29	-9.3%	14.8	16.3	-9.3%
Chi phí lãi vay	7.52	8.29	-9.3%	14.8	16.3	-9.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.19	0.37	-48.5%	0.35	1.05	-66.9%
Chi phí QLDN	**3.78**	**3.81**	**-0.7%**	**6.74**	**7.26**	**-7.2%**
LN thuần từ HĐKD	-16.0	-12.0	-33.7%	-25.5	-24.2	-5.2%
Lợi nhuận khác	**1.04**	**-2.36**	**144%**	**0.56**	**-5.05**	**111%**
LN trước thuế	-15.0	-14.3	-4.9%	-24.9	-29.3	14.9%
Lợi nhuận sau thuế	**-15.0**	**-14.5**	**-3.5%**	**-24.9**	**-29.4**	**15.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-14.5**	**-12.6**	**-15.2%**	**-24.1**	**-25.6**	**5.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-19.9	72.9	-3.98	-89.1	-12.5	-4.39
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.97	-5.80	-7.49	86.4	0.29	1.50
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	30.8	-48.3	6.98	-3.18	-1.28	0.19
Tiền đầu kỳ	10.2	22.1	40.8	36.3	30.5	17.0
Lưu chuyển tiền thuần	**11.9**	**18.7**	**-4.50**	**-5.86**	**-13.5**	**-2.70**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	22.1	40.8	36.3	30.5	17.0	14.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**849**	**855**	**-0.7%**
Tài sản ngắn hạn	453	448	1.1%
Tiền và tương đương tiền	14.3	30.5	-53.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	178	163	9.3%
Hàng tồn kho	247	242	2.0%
Tài sản ngắn hạn khác	13.7	12.6	8.2%
Tài sản dài hạn	**396**	**407**	**-2.7%**
Phải thu dài hạn	7.74	7.74	0.0%
Tài sản cố định	68.7	73.2	-6.1%
Bất động sản đầu tư	306	313	-2.1%
Tài sản dở dang	11.5	11.3	1.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.00	0.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**1.64**	**1.71**	**-3.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	675	656	2.9%
Nợ ngắn hạn	**574**	**543**	**5.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	181	172	5.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	98.9	89.8	10.2%
Nợ dài hạn	100	113	-11.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	33.8	43.8	-22.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**174**	**199**	**-12.5%**
Vốn chủ sở hữu	**174**	**199**	**-12.5%**
Vốn điều lệ	350	350	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)